

Số: 53 /TB-BQL

Chợ Đồn, ngày 13 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 26/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ về việc quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá, chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp Ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 15/5/2026 của UBND xã Chợ Đồn Triển khai đấu giá quyền sử dụng đất đối với các quỹ đất chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn trong năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của UBND xã Chợ Đồn về việc phê duyệt phương án Đấu giá quyền sử dụng đất đối với các quỹ đất chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn trong năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1609/UBND-XD,NN&MT ngày 23/6/2026 của UBND xã Chợ Đồn về việc điều chỉnh một số nội dung Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 15/5/2026 của UBND xã Chợ Đồn;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 của UBND xã Chợ Đồn về việc Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với các quỹ đất chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn trong năm 2026 kèm theo Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của UBND xã Chợ Đồn;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND xã Chợ Đồn về việc Phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ đấu giá quyền sử dụng đất của xã Chợ Đồn trong năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Chợ Đồn về việc phê duyệt giá bán tài sản gắn liền với đất là Nhà làm việc tại Trụ sở làm việc Đội thuế thị trấn Bằng Lũng thuộc chi cục thuế huyện Chợ Đồn, cục thuế tỉnh Bắc Kạn cũ (TSN) do UBND xã Chợ Đồn quản lý;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã Chợ Đồn về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với các quỹ đất chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn xã Chợ Đồn trong năm 2026.

Ban quản lý dự án xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên thông báo việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ tổ chức có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Chợ Đồn
- Địa chỉ: Thôn 3, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên

2. Tên đơn vị được giao việc tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- Tên đơn vị: Ban quản lý dự án xã Chợ Đồn
- Địa chỉ: Thôn 3, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên

3. Thông tin tài sản đấu giá:

- Tên tài sản: Đấu giá quyền sử dụng đất đối với các quỹ đất chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn trong năm 2026: Cụ thể.

3.1. Vị trí đất trước đây là trụ sở làm việc của Đội thuế thị trấn Bằng Lũng thuộc Chi cục Thuế huyện Chợ Đồn (cũ) bàn giao lại cho địa phương

STT	Ký hiệu ô đất	Diện tích (m ² /lô)	Loại đất	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Ghi chú
1	Lô 1	151,0	ONT	10.305.000	1.556.055.000	

3.2. Vị trí đất trước đây là khu đất Bến xe khách Bằng Lũng (cũ)

STT	Ký hiệu ô đất	Diện tích (m ² /lô)	Loại đất	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Ghi chú
1	Lô 1	221,4	ONT	7.048.000	1.560.427.200	
2	Lô 2	213,9	ONT	7.048.000	1.507.567.200	
3	Lô 3	229,7	ONT	7.753.000	1.780.864.100	

3.3. Vị trí đất trước đây là trụ sở Lâm trường Chợ Đồn - Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn bàn giao lại cho địa phương

STT	Ký hiệu ô đất	Diện tích (m ² /lô)	Loại đất	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Ghi chú
-----	---------------	--------------------------------	----------	--------------------------------------	----------------------	---------

1	Lô 1	198,0	ONT	6.817.000	1.349.766.000	
2	Lô 2	176,3	ONT	6.817.000	1.201.837.100	
3	Lô 3	140,7	ONT	6.817.000	959.151.900	

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016; khoản 36 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản năm 2024; Điều 33 và phụ lục I ban hành theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

- Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

- Tiêu chí khác đối với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

- Bên có tài sản đấu giá lựa chọn và ưu tiên tổ chức đấu giá có số điểm cao nhất theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm.

(Kèm theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản)

5. Hồ sơ đăng ký của tổ chức đấu giá tài sản, bao gồm:

- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;

- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;

- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá.

(Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình)

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo phát hành *(Trong giờ hành chính)*.

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: tại Ban quản lý dự án xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

- Địa chỉ: Thôn 3, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

- Số điện thoại: 0866 212 191

Lưu ý:

- Hồ sơ nộp trực tiếp tới Ban quản lý dự án xã Chợ Đồn

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và căn cước công dân;

- Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn;

Ban quản lý dự án xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên trân trọng thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết tham gia thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND xã;
- Phòng XD, NN&MT xã;
- Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;
- Cổng TTĐT Quốc gia về DGTS (đăng tải);
- Trang TTĐT xã Chợ Đồn (đăng tải);

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, HS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Chu Văn Hiệp

PHỤ LỤC
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số: 53 TB-BQL ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ban quản lý dự án xã Chợ Đồn)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu	2,0

	giá	
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh	7,0

	doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá	8,0

	chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	
1.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	3,0
3.	Tiêu chí khác (có nhân sự tối thiểu 15 người)	2,0
Tổng số điểm		100